



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....2023/TTr-CHP

Hải Phòng, ngày tháng năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
**Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán**

**DỰ THẢO**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2029/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng,

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (*Báo cáo tài chính đã đăng tải công khai trên trang Website của Công ty*)

Để nội dung báo cáo phù hợp với các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội thường niên năm 2022 đã thông qua, nội dung Tờ trình bao gồm:

- Mục A: Báo cáo tóm tắt chỉ tiêu tài chính riêng của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng
- Mục B: Báo cáo tóm tắt chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Hồng Minh**

**MỤC A**  
**BÁO CÁO TÓM TẮT CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**

**I. Bảng cân đối kế toán**

*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	31-12-22
I	Tài sản ngắn hạn	2.336.505.444.557
II	Tài sản dài hạn	3.350.595.230.487
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>5.687.100.675.044</b>
IV	Nợ phải trả	1.043.987.495.804
V	Vốn chủ sở hữu	4.643.113.179.240
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>5.687.100.675.044</b>

**II. Kết quả hoạt động kinh doanh**

*Đơn vị: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022
1	Tổng doanh thu	1.620.185.424.191
2	Tổng chi phí	1.015.494.348.254
3	Lợi nhuận trước thuế	604.691.075.937
4	Lợi nhuận sau thuế	510.384.349.723

**III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>	
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,41
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	0,59
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,18
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0,82
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>	
	- Khả năng thanh toán nhanh	4,60
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn	4,73
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,09
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,38
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	0,11

**MỤC B**  
**BÁO CÁO TÓM TẮT CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**

**I. Bảng cân đối kế toán**

*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	31-12-22
I	Tài sản ngắn hạn	4.093.443.617.376
II	Tài sản dài hạn	2.521.927.144.278
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>6.615.370.761.654</b>
IV	Nợ phải trả	1.232.592.796.541
V	Vốn chủ sở hữu	5.382.777.965.113
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>6.615.370.761.654</b>

**II. Kết quả hoạt động kinh doanh**

*Đơn vị: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022
1	Tổng doanh thu	2.562.867.031.883
2	Tổng chi phí	1.740.891.903.451
3	Lợi nhuận trước thuế	891.323.947.203
4	Lợi nhuận sau thuế	724.145.545.418

**III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>	
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,62
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	0,38
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,19
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0,81
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>	
	- Khả năng thanh toán nhanh	5,89
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn	6,03
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,11
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,31
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	0,13

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-45
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-45

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

---

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2014, thay đổi lần thứ 9 ngày 01/02/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	
Ông Lương Đình Minh	Ủy viên HĐQT	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Ủy viên HĐQT	
Ông Nguyễn Tường Anh	Ủy viên HĐQT	
Ông Đinh Văn Thạch	Ủy viên HĐQT	
Ông Nguyễn Cảnh Bình	Ủy viên HĐQT	Bỏ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Vũ Quyết Thắng	Ủy viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đào Thị Thu Hà	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên
Ông Đồng Xuân Khanh	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

---

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



---

Nguyễn Tường Anh  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2023

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng được lập ngày 28 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán riêng đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 148,9 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ. Hiện tại, Công ty đang trình các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án thuê khai thác các tài sản này.



Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm tính là 149,3 tỷ đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Tuy nhiên, Công ty cũng chưa ghi nhận và phản ánh khoản chi phí thuê các tài sản nêu trên vào Báo cáo tài chính riêng.

(Thông tin chi tiết về các vấn đề nêu trên xem tại Thuyết minh số 32 - Thông tin khác).

2. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng này.

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán và không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty (đính kèm).

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại mục "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Vấn đề khác

Tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với các vấn đề như đã trình bày tại mục "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" nêu trên.

#### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

**Dương Quân Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2023-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.336.505.444.557</b>	<b>2.064.143.833.554</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>487.327.218.671</b>	<b>205.582.871.081</b>
111	1. Tiền		59.127.218.671	85.582.871.081
112	2. Các khoản tương đương tiền		428.200.000.000	120.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>1.107.488.000.000</b>	<b>1.357.018.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.107.488.000.000	1.357.018.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>656.474.383.750</b>	<b>419.079.957.766</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	177.091.615.577	163.810.010.553
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	237.749.123.114	5.279.292.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	266.950.846.766	275.320.410.582
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(25.317.201.707)	(25.329.756.169)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	9	<b>63.750.549.415</b>	<b>62.623.114.443</b>
141	1. Hàng tồn kho		63.750.549.415	62.623.114.443
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>21.465.292.721</b>	<b>19.839.890.264</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	15.917.699.028	14.934.630.942
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.522.607.144	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	24.986.549	4.905.259.322
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.350.595.230.487</b>	<b>3.326.748.734.950</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.784.486.112.707</b>	<b>1.888.917.395.107</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.778.607.763.344	1.885.677.386.838
222	- Nguyên giá		4.716.040.761.429	4.684.719.897.577
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.937.432.998.085)	(2.799.042.510.739)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	5.878.349.363	3.240.008.269
228	- Nguyên giá		34.425.317.486	30.976.623.070
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.546.968.123)	(27.736.614.801)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	10	<b>127.314.227.428</b>	<b>19.961.815.367</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		127.314.227.428	19.961.815.367
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>1.377.439.469.995</b>	<b>1.365.260.517.370</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.279.501.691.109	1.279.501.691.109
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		95.671.237.464	83.143.237.464
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.640.362.162	17.640.362.162
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(15.373.820.740)	(15.024.773.365)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>61.355.420.357</b>	<b>52.609.007.106</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	47.921.306.082	39.974.560.538
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.a	13.434.114.275	12.634.446.568
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>5.687.100.675.044</b>	<b>5.390.892.568.504</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.043.987.495.804</b>	<b>1.089.017.327.987</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>494.392.300.352</b>	<b>484.198.378.449</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	90.898.635.541	66.761.938.603
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.485.321.750	1.048.944.056
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	47.099.439.242	40.728.846.657
314	4. Phải trả người lao động		83.310.533.761	110.771.091.613
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	218.121.309.918	215.623.148.841
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	16.100.831.109	2.177.468.993
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	27.543.252.235	31.636.427.823
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		9.832.976.796	15.450.511.863
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>549.595.195.452</b>	<b>604.818.949.538</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	549.595.195.452	604.818.949.538
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.643.113.179.240</b>	<b>4.301.875.240.517</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>4.643.113.179.240</b>	<b>4.301.875.240.517</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		823.809.122.682	500.869.673.328
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		549.704.056.558	531.405.567.189
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		39.319.706.835	54.670.595.755
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		510.384.349.723	476.734.971.434
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5.687.100.675.044</b>	<b>5.390.892.568.504</b>



Nguyễn Thị Quyên  
Người lập

Trần Thị Thanh Hải  
Kế toán trưởng

Nguyễn Tường Anh  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2023

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.354.774.784.702	1.312.968.265.281
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.354.774.784.702	1.312.968.265.281
11	4. Giá vốn hàng bán	22	898.320.000.874	883.246.511.672
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		456.454.783.828	429.721.753.609
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	255.902.206.439	226.860.022.057
22	7. Chi phí tài chính	24	15.446.883.754	9.619.006.963
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		7.369.444.568	8.293.007.238
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	99.964.148.965	77.437.300.320
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		596.945.957.548	569.525.468.383
31	11. Thu nhập khác	26	9.508.433.050	6.478.073.049
32	12. Chi phí khác	27	1.763.314.661	9.269.910.642
40	13. Lợi nhuận khác		7.745.118.389	(2.791.837.593)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		604.691.075.937	566.733.630.790
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	95.106.393.921	90.798.327.063
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.b	(799.667.707)	(799.667.707)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		510.384.349.723	476.734.971.434



Nguyễn Thị Quyên  
Người lập

Trần Thị Thanh Hải  
Kế toán trưởng

Nguyễn Tường Anh  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2023



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Năm 2022  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(đã điều chỉnh) VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		604.691.075.937	566.733.630.790
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		139.200.840.668	142.131.956.436
03	- Các khoản dự phòng		336.492.913	(3.201.191.849)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(29.798.335.551)	(25.714.073.061)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(215.679.790.582)	(197.556.253.153)
06	- Chi phí lãi vay		7.369.444.568	8.293.007.238
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		506.119.727.953	490.687.076.401
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(250.211.666.794)	(143.122.935.894)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.127.434.972)	(19.493.820.527)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		5.807.276.879	148.025.438.216
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(8.929.813.630)	(27.762.260.235)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.702.292.222)	(4.649.991.481)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(81.688.844.302)	(92.000.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		80.964.000	89.515.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(44.060.910.067)	(40.434.614.721)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		122.287.006.845	311.338.406.759
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(142.121.970.329)	(56.401.648.367)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(138.888.889)	5.050.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.287.288.000.000)	(1.475.380.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.536.818.000.000	1.391.500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.528.000.000)	(1.327.100.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.423.056.256
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		222.897.578.676	185.422.511.624
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		317.638.719.458	51.286.819.513
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(28.989.471.011)	(33.533.609.610)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(130.731.028.000)	(196.080.240.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(159.720.499.011)	(229.613.849.610)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Năm 2022  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(đã điều chỉnh) VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		280.205.227.292	133.011.376.662
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		205.582.871.081	75.300.559.232
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.539.120.298	(2.729.064.813)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>487.327.218.671</u>	<u>205.582.871.081</u>

Nguyễn Thị Quyên  
Người lập

Trần Thị Thanh Hải  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tường Anh  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2023

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-54
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-54

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2014, thay đổi lần thứ 9 ngày 01/02/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch	
Ông Lương Đình Minh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên	
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Ủy viên	
Ông Nguyễn Tường Anh	Ủy viên	
Ông Đinh Văn Thạch	Ủy viên	
Ông Nguyễn Cảnh Bình	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Vũ Quyết Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đào Thị Thu Hà	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên
Ông Đồng Xuân Khanh	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

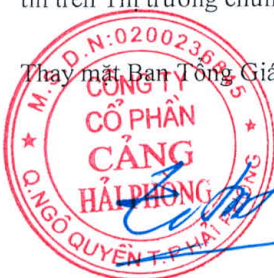
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2023



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng được lập ngày 28 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 54, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 148,9 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ. Hiện tại, Công ty đang trình các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án thuê khai thác các tài sản này.

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm tính là 149,3 tỷ đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Tuy nhiên, Công ty cũng chưa ghi nhận và phản ánh khoản chi phí thuê các tài sản nêu trên vào Báo cáo tài chính hợp nhất.

*(Thông tin chi tiết về các vấn đề nêu trên xem tại Thuyết minh số 34 - Thông tin khác).*

2. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán và không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty (đính kèm).

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại mục "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Vấn đề khác

Tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với các vấn đề như đã trình bày tại mục "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" nêu trên.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn ✓

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2023-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>4.093.443.617.376</b>	<b>3.735.322.164.994</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>682.687.029.154</b>	<b>308.962.376.156</b>
111	1. Tiền		120.987.029.154	152.962.376.156
112	2. Các khoản tương đương tiền		561.700.000.000	156.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>2.481.188.000.000</b>	<b>2.751.718.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.481.188.000.000	2.751.718.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>803.968.925.588</b>	<b>561.358.458.665</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	302.038.745.747	293.280.474.790
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	266.072.476.187	33.571.297.195
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	269.712.316.194	269.803.999.156
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(33.854.612.540)	(35.297.312.476)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	9	<b>93.461.943.822</b>	<b>84.674.823.123</b>
141	1. Hàng tồn kho		93.461.943.822	84.674.823.123
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>32.137.718.812</b>	<b>28.608.507.050</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	23.940.848.102	21.008.636.870
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.981.696.061	24.682.505
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	2.215.174.649	7.575.187.675
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.521.927.144.278</b>	<b>2.524.953.290.312</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>158.986.000</b>	<b>194.986.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	158.986.000	194.986.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.972.875.091.408</b>	<b>2.130.285.408.967</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.966.687.463.363	2.126.537.315.761
222	- Nguyên giá		7.203.328.220.192	7.195.951.098.685
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.236.640.756.829)	(5.069.413.782.924)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	6.187.628.045	3.748.093.206
228	- Nguyên giá		41.100.422.186	37.651.727.770
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.912.794.141)	(33.903.634.564)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	10	<b>127.332.409.246</b>	<b>19.979.997.185</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		127.332.409.246	19.979.997.185
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>326.396.053.176</b>	<b>286.752.777.359</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		310.176.822.026	269.233.546.209
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.640.362.162	17.640.362.162
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.421.131.012)	(121.131.012)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>95.164.604.448</b>	<b>87.740.120.801</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	81.730.490.173	75.105.674.233
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.a	13.434.114.275	12.634.446.568
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>6.615.370.761.654</b>	<b>6.260.275.455.306</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,  
Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.232.592.796.541</b>	<b>1.256.979.242.914</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>678.607.063.143</b>	<b>643.979.564.905</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	121.892.026.227	81.358.383.984
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.342.916.705	3.467.339.553
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	69.863.390.619	61.916.139.537
314	4. Phải trả người lao động		173.089.054.241	188.962.669.847
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	219.123.666.508	216.456.729.212
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	12.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	25.505.681.989	11.478.243.336
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	27.543.252.235	31.636.427.823
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	6.160.188.100	16.450.000.000
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		31.086.886.519	32.241.631.613
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>553.985.733.398</b>	<b>612.999.678.009</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	549.595.195.452	604.818.949.538
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.b	4.390.537.946	8.180.728.471
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>5.382.777.965.113</b>	<b>5.003.296.212.392</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	20	<b>5.382.777.965.113</b>	<b>5.003.296.212.392</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		70.026.658.714	70.026.658.714
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.081.181.705.670	733.712.588.470
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		834.858.605.836	815.016.631.894
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối kỳ trước</i>		258.616.071.972	258.078.783.939
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		576.242.533.864	556.937.847.955
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		740.412.686.002	728.242.024.423
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.615.370.761.654</b>	<b>6.260.275.455.306</b>

*(Chữ ký)*

*(Chữ ký)*



Nguyễn Thị Quyên  
Người lập

Trần Thị Thanh Hải  
Kế toán trưởng

Nguyễn Tường Anh  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2023



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	2.349.509.752.589	2.284.630.005.397
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.349.509.752.589	2.284.630.005.397
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.504.407.432.501	1.450.582.886.528
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		845.102.320.088	834.047.118.869
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	192.866.413.236	182.808.501.844
22	7. Chi phí tài chính	25	18.028.245.321	12.290.569.148
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.369.444.568	8.293.007.238
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		69.348.818.683	48.684.035.707
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	215.446.760.798	180.912.884.868
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		873.842.545.888	872.336.202.404
31	12. Thu nhập khác	27	20.490.866.058	8.353.771.285
32	13. Chi phí khác	28	3.009.464.743	12.911.933.507
40	14. Lợi nhuận khác		17.481.401.315	(4.558.162.222)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		891.323.947.203	867.778.040.182
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	171.768.260.017	165.302.260.638
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30.c	(4.589.858.232)	(724.652.775)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>724.145.545.418</u>	<u>703.200.432.319</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		576.242.533.864	556.937.847.955
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		147.903.011.554	146.262.584.364
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.762	1.703

Nguyễn Thị Quyên  
Người lập

Trần Thị Thanh Hải  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tường Anh  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2023



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(đã điều chỉnh) VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		891.323.947.203	867.778.040.182
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		202.015.833.161	210.270.972.406
03	- Các khoản dự phòng		(10.432.511.836)	126.229.872
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(29.355.311.230)	(25.464.351.537)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(184.612.269.131)	(199.162.118.874)
06	- Chi phí lãi vay		7.369.444.568	8.293.007.238
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		876.309.132.735	861.841.779.287
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(250.034.951.983)	(167.295.493.389)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(8.981.384.335)	(21.608.358.726)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		35.759.170.525	192.520.441.822
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(9.557.027.172)	(31.585.991.488)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.702.292.222)	(4.649.991.481)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(156.763.459.610)	(167.237.425.477)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.179.401.628	89.515.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(97.879.154.156)	(86.212.804.321)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		387.329.435.410	575.861.671.227
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(153.627.535.759)	(79.858.634.923)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		10.311.362.112	5.792.667.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.440.988.000.000)	(3.705.380.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.711.518.000.000	3.528.500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.528.000.000)	(1.327.100.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.423.056.256
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		147.253.066.937	133.977.858.090
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		261.938.893.290	(115.872.153.032)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(28.989.471.011)	(33.533.609.610)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(248.877.877.070)	(275.506.958.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(277.867.348.081)	(309.040.568.360)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(đã điều chỉnh) VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		371.400.980.619	150.948.949.835
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		308.962.376.156	160.818.494.595
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.323.672.379	(2.805.068.274)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>682.687.029.154</u>	<u>308.962.376.156</u>

Nguyễn Thị Quyên  
Người lập

Trần Thị Thanh Hải  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tường Anh  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2023